

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày 20 tháng 7 năm 2021
V/v: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bà Đinh Thị Thu H.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu T
2. Ông Nguyễn Chí T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

- Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa.

Ngày 20/7/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15 /2021/TLST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 07/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông Bùi Đình T - sinh năm 1968

- Bà Lâm Thị Q - sinh năm 1970

Đều trú tại: Khu 2, xã T, huyện L, tỉnh P (có mặt).

Bị đơn: - Chị Hán Thị S - sinh năm 1979

- Anh Tạ Phúc T - sinh năm 1976

Đều trú tại: Khu 6, xã D, huyện T, tỉnh P(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo ông Bùi Đình T và bà Lâm Thị Q trình bày: Gia đình ông bà làm đại lý bán thức ăn gia súc và có quen biết với vợ chồng anh Tạ Phúc T và chị Hán Thị S ở khu 6, xã D, huyện T, tỉnh P. Anh T chị S có nuôi gia súc, gia cầm nên có đến mua cám làm thức ăn cho gia súc, gia cầm của nhà ông bà. Việc mua bán diễn ra từ năm 2014 đến năm 2019, trong quá trình đó hai bên có mua và bán cám rất nhiều lần và cũng có T toán nhưng còn nợ lại cũng rất nhiều, số liệu cụ thể việc lấy cám và nợ tiền hai bên có ghi vào sổ và có ký kết với nhau để chốt nợ (giấy chốt nợ này ông bà đã nộp cho Tòa án). Tính đến ngày 12/9/2019 anh T, chị S còn nợ gia đình ông bà số tiền là 214.385.000đ(Hai trăm mười bốn triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Nay ông bà yêu cầu anh T, chị S phải trả cho ông bà số tiền nợ trên và ông bà không tính lãi từ ngày nợ cho đến nay.

2. Bị đơn chị Hán Thị S và anh Tạ Phúc T trình bày: Vợ chồng anh chị có quen biết với vợ chồng ông T bà Q. Anh chị có nuôi gia súc, gia cầm nên anh chị có mua cám trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2019 của ông T bà Q, quá trình lấy cám nhiều lần, lúc trả tiền, lúc nợ lại. Nay anh chị xác nhận tính đến ngày 12/9/2019 anh chị còn nợ ông T, bà Q số tiền mua cám là 214.385.000đ (Hai trăm mười bốn triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Vợ chồng anh chị xác nhận chữ ký trong giấy chốt nợ mà ông T, bà Q nộp cho Tòa án có chữ ký của chị S là đúng, anh chị không thắc mắc gì. Nhưng do hiện nay gia đình gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế nên anh chị xin được trả dần, hai năm đầu trả 30.000.000đ/ 1 năm, còn những năm tiếp theo tùy vào khả năng có thể trả nhiều hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 26/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của ông Bùi Đình T và bà Lâm Thị Q kiện đòi tài sản đối với anh Tạ Phúc T và chị Hán Thị S cư trú tại Khu 6, xã D, huyện T, tỉnh P là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về tố tụng: Bị đơn anh Tạ Phúc T và chị Hán Thị S xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị S.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về giao dịch dân sự kiện đòi tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét việc mua bán và số tiền còn nợ giữa hai bên : Ông Bùi Đình T, bà Lâm Thị Q và anh Tạ Phúc T, chị Hán Thị S đều khẳng định hai bên có mua, bán cám chăn nuôi với nhau nhiều lần, việc mua bán có thể hiện cụ thể bằng giấy viết tay có ký nhận mua hàng và nợ tiền của chị S. Hai bên đều xác nhận tính đến ngày 12/9/2019 anh T, chị S còn nợ ông T, bà Q số tiền lấy cám gia súc là 214.385.000đ (Hai trăm mười bốn triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) nên cần buộc anh T, chị S phải trả cho ông T, bà Q số tiền nợ trên là phù hợp. Do ông T, bà Q không yêu cầu tính lãi từ khi nợ đến nay nên HĐ XX không đặt ra xem xét.

[2.2] Xét về phương thức, thời hạn trả nợ : Anh T, chị S xin trả dần số tiền còn nợ thành nhiều lần, hai năm đầu trả 30.000.000đ/ 1 năm, còn những năm tiếp theo tùy vào khả năng có thể trả nhiều hơn nhưng ông T, bà Q không đồng ý. Các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét thấy việc anh T, chị S đưa ra các lý do trên là không thực tâm, không có tính khả thi vì từ ngày 12/9/2019 đến nay anh T, chị S không trả nợ cho ông T, bà Q bất khoản nợ nào

nên cần buộc anh T, chị S phải trả cho ông T, bà Q số tiền nợ gốc là 214.385.000đ là phù hợp.

[2.3] Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho bên nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ gốc là 214.385.000đ (Hai trăm mười bốn triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Số tiền trên không tính lãi kể từ ngày nợ cho đến nay.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho bên nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 357, 430; 431, 433, 434, 440 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đình T và bà Lâm Thị Q.

Buộc anh Tạ Phúc T và chị Hán Thị S phải trả cho ông Bùi Đình T và bà Lâm Thị Q số tiền mua cám thức ăn gia súc, gia cầm còn nợ gốc là 214.385.000đ (Hai trăm mười bốn triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Ông T, bà Q không yêu cầu tính lãi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Tạ Phúc T và chị Hán Thị S phải chịu 10.719.250đ (Mười triệu bảy trăm mười chín nghìn hai trăm năm mươi đồng). Trả lại cho ông Bùi Đình T và bà Lâm Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.360.000đ (Năm triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003007 ngày 26/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- Lưu HS - VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền